NĂM THỨ NĂM Số 212 (48 chữ)

Thứ năm, 22 tháng 11-1945

TRI TÂN TẠP CHÍ

Giá 1 20

Việt-nam Dân-chủ Cộng-hòa năm thứ nhất

Ung hộ cuộc kháng chiến của Giải phóng quân Việt L

Ung hộ cuộc kháng chiến anh dũng của đồng bào Nam

TỪ TOÀN DÂN KHÁNG CHIẾN ĐẾN TOÀN DÂN VẬN ĐỘNG

KIẾN XƯƠNG

BỐN nghìn năm lịch sử không lúc nào bằng lúc này, dân tộc đáng thương và Việt-Nam yêu quý của chúng ta đang ở trong một hoàn cảnh vô cùng nghiêm trọng. Nạn xâm lăng, nạn đói rét đang đe dọa, dày xéo.

Trước cái nguy cơ cấp bách, nhường cháy mày xem mặt, một mặt trận rộng lớn phải thiết lập. và trong hàng ngũ đó, toàn thể dân Việt-Nam phải sẵn sàng hoặc dự bị là chiến sĩ.

Vẫn biết có các đoàn thể cứu quốc tự vệ, cứu tế để tập nợp tất cả các tầng lớp,, các năng lực vào vòng tổ chức và đối phó với thời cục, song thẳng thắn, ta phải nhận rằng còn rất lắm phần tử hờ hững và cái vẻ khẳng tảng ô hợp vẫn còn đang đe dọa các tổ chức trên đây.

Sau 80 năm bị đàn áp và bóc lột dã man triệt để, một dân tộc, đã từng thử thách, chịu đựng dưới một lịch sử tranh đấu gay go và nhẫn nại, ngày nay lại được nhìn thấy ánh sáng hi vọng của tự do và độc lập, không lẽ một dân tộc ấy có thể gần được nhiều phần tử không biết sốt sắng hăm hở bảo tồn lấy sự sống cho mình cái tính e ngại hợp đoàn tranh đấu là cái bản tính của những người đã sống và muốn sống còn. Không lẽ gì một dân dầy nhựa sống như dân ta, sau bao nhiêu năm bị kìm hãm, đàn áp không được phát siển và bộc lộ cái bản tính ấy, ngày nay lại có thể còn nhiều người không biết hăm hở sẵn sẵ ra tranh cướp lấy!

Của đã mất nay lại thấy! Cái nguồn nước mãnh liệt vĩ đại, bị ngăn đón nay lại được buông tha! Nó phải là một sự bồng bột, sôi nổi nổ vỡ lôi cuốn tất cả quốc dân vào một phong trào vô cùng sâu rộng như trận hồng thủy hồi tiền lịch sử

Trong hồi Nhật thuộc, ai để ý đến thời cục, cũng phải nhận thấy một sự nóng nẩy, háo hức ngấn ngụt như men bốc của toàn dân mong đợi sự tranh đấu, kết đoàn. Đến nay, cái việc trước kia phải lén lút bí mật được hành động công khai, cái việc trước bị ngăn cấm, nay được nâng đỡ khuyến khích, cái kết quả tưởng phải có lại không thấy thực hiện khiến chúng ta phải suy nghĩ tìm hiểu phải chăng? hay cái tình trạng kinh tế, hoặc chiến cục Nam bộ, đã hấp dẫn người ta đến một khẩu hiệu cao và khẩn cấp hơn?

Có thể, nhà xã hội học cho là một đường lối tất nhiên của các phong trào: nó phải cao trần lên rồi lại thoái lui, trong khi thoái lấy đà củng cố lại và dự bị một bước vọt cao hơn nữa, vẫn biết thế, song người đứng địa vị chủ quan, phải chăm lo cho nó tiến tới luôn luôn, và do nguyên nhân kinh tế, chiến tranh hay chính hiến gì đi nữa chăng, cái chủ trương kết đoàn thể và hoạt động vẫn không có lý gì không phát triển mạnh mẽ

Muốn mở một mặt trận toàn dân kháng chiến, phải làm sao cho toàn dân vận động, toàn dân đoàn kết được chu đáo phải làm sao người dân nào cũng ở vào một đoàn thể, hay ít nhất gia đình nào cũng phải có một, hai người trong đoàn thể, mà trong các đoàn thể, không đoàn viên nào không hoạt động thy theo địa vị và năng lực của mình.

Có đoàn thể, mới có sự đoàn kết và liên lạc chặt chẽ, và như thế một ý tưởng, một chỉ thị có thể lan truyền khắp toàn quốc bất chấp cả điện tín lẫn báo chí.

Có hành động, mới có tinh thần và tiến bộ, người giác ngộ thấp nếu lên cao được, và người giác ngộ cao còn lên cao nữa.

Nếu bọn thực dân đã phân đăng chính sách chia ra, mà trị thì chúng ta cũng phải chia ra

mà đoàn kết và hoạt động. Chia theo đủ các phương diện, tinh thần, trình độ, quyền lợi, thì mới định được năng lực hoạt động cho từng hạng, và đoàn kết được chắc chắn.

Nước sạch phải được chứa với nước sạch, cát già được hợp với cát già, và vôi chín chọn riêng ra vôi chín rồi ba thứ ấy sẽ chộn lẫn theo một tỷ lệ nhất định thành thứ vữa rất tốt. Công việc vận động ở cuộc phải làm với một não khoa học, cẩn trọng và thứ bậc chứ không thể sáo lộn, vội vàng cần lấy lượng mà không chú ở phẩm.

Có phẩm rồi sẽ có lượng, hòn gạch dưới móng sây được vững thì có thể chồng cao lên mãi mãi. Gạch non sây chỗ có thể non, gạch già sếp chỗ cần phải già, các ở chữa quy củ như thế thì không đoàn viên nào không có thể trổ hết được nặng lực của mình mà không phải cố gắng quá.

Khẩu hiệu quá cao với năng lực của người ta cũng có hại, và khẩu hiệu thấp hơn năng lực người ta cũng có hại: cái bí quyết mọi sự thành công chỉ ở chỗ ấy.

Vừa để chúng tỏ đổi chút, và làm [illegible] và ý kiến vụn vặt tôi xin kể qua một câu chuyện của người bạn thuật lại một cuộc tranh đấu nhỏ ở lao tù.

— Ở trong tao — lời người bạn — [illegible] tôi vẫn thường tranh đấu, để đòi cải thiện sinh hoạt, phản kháng một thái độ tàn ác và hà là để luyện cho anh em [illegible] tranh đấu. Hình thức tranh đấu có nhiều hạng, và hình thức thấp nhất là tuyệt thực thời thường được áp dụng luôn. Tuy vậy, sự nhịn đói với một số đông người cũng là một việc rất khó, nhất là nó phải kéo dài 5, 7 ngày, và cầu lấy thắng lợi. Nếu cái số người tuyệt thực càng ngày càng đảm thì không những tinh thần anh em suy sút và cả đối phương cũng khinh thị mà nói ngay đến lúc đề nghị tổ chức nhiều người biết sức mình không chịu đựng được lâu, đã thoái lui không gia nhập. Vì trên đã nói những cuộc tranh đấu ấy được tổ chức để làm vũ và năng tinh thần tranh đấu, và sau nữa mong lấy thắng lợi một chút siu. Cho nên cuộc tuyệt thực cũng không có chủ đích kéo già cho đến chết. Tất nhiên cái phạm vi của nó cũng chỉ đến 5, 7 ngày, dù thắng lợi hay không, đến lúc anh em không tăng quá, là cùng. Vì thế, cho nên, nó thường bắt đầu không được toàn thể anh em bị đam trong trại tán thành, và kết quả cũng không được mỹ mãn ở đủ số anh em dù tham gia chịu đựng được từ ngày đầu đến ngày cuối.

Theo những kinh nghiệm ấy, lần sau chúng tôi đã tổ chức tranh đấu một cách khác. Muốn phản đối thái độ của ngục, [illegible] ngục và yêu cầu một vài quyền lợi, — và cũng để nêu [illegible] tranh đấu — chúng tôi đã tổ chức một cuộc tuyệt thực, — không phải đến chết — song trong hạn 5 ngày và chia ra từng nhóm. Trong trại giam có 70 người ngày đầu, những phần lú có thể nhịn được 5 ngày là 20 người — những anh em bị giam bấy giờ phần nhiều còn vài ba tháng sẽ hết hạn được về, nên tinh thần tranh đấu cũng không cao lắm — bắt đầu nhịn tiên phong, và đưa những lời yêu sách cho giám ngục biết. Họ lờ đi không thèm vào hỏi.

Ngày thứ 2, thêm 20 anh nữa — những người nhịn được 4 ngày. Giám ngục vào trông qua rồi lại quay đi. Ngày thứ ba thêm 15 anh — những người ước hẹn nhịn 3 ngày — rồi ngày thứ tư, để mở một trận tổng công kích, yêu cầu tất cả các anh em trước chỉ nhận nhịn 2 ngày, hay một ngày cũng tham gia cho tăng lực lượng. Một số ít ốm yếu, hay không tinh thần tranh đấu, thậy thế cũng sốt sắng tham gia vào nốt, thành kết quả, toàn trại, nếm cơm ra giả chủ ngục và nhiệt liệt phản đối cùng yêu sách những đề nghị trước. Trong các cuộc tranh đấu ở lao tù tôi mới thấy có lần ấy là thắng lợi hơn cả. Thắng giám ngục thấy phong trào lên cao sợ lan sang cả các trại khác và sinh to chuyện. — Ở lao ấy trước vài tháng vừa sẩy một cuộc tranh đấu lưu huyết — vào ngày nhượng bộ anh em và nhận cả hầy nhiều điều yêu sách.

Đấy chỉ là một [illegible] của một chuyện vụn vặt, song ta có thể rút kinh nghiệm rằng, không phần tử nào không có tinh thần và năng lực tranh đấu, song cái hình thức và trình độ phải thích hợp thì họ mới hưởng ứng được phong trào. Dừng nói: Đám quần chúng nào không có tinh thần, cái không có là phương pháp và hình thức tổ chức cùng những công tác thích hợp.

Vừng ơi! mở cửa! quần chúng là cái hang [illegible], bí mật. Hô đúng câu thần chú, tôi và [illegible] đá [illegible] phải rung.

KIẾN-XƯƠNG

SỰ KHÁNG-CỰ CUỐI CÙNG

CỦA DÂN CHÀM NĂM ÂT-VI 1945

HIỆN giờ, ở vài đồng bằng miền nam Trung-kỳ và ở các miền đồi hay thung lũng nhỏ hẹp lân cận, dân Chàm còn sống lơ thơ, chỗ này dăm nhà, chỗ kia vài xóm. Tổng số ước độ vài vạn người là cùng.

Dân Chàm đông nhất ở hai vùng : phía nam sông Kinh đinh (còn gọi là sông Phan rang) và đồng bằng sông Lũy. Hai vùng đó nằm ở hẹp, ít mưa đến khó cày cấy cả.

Ở vùng thứ nhất, dân Chàm ước độ một vạn người, họp làm một huyện gọi là *An-phước thổ-huyện* (huyện - lỵ gần ga Tour Cham), thuộc về đạo Ninh-thuận. Đạo có quan Quản-đạo, nhưng dân Việt trong đạo chỉ họp lại độ một trăm làng, không làm thành một huyện, và do quan Quản-đạo cai-trị một cách trực-tiếp.

Ở vùng thứ hai, dân Chàm ước độ bốn nghìn người, cũng họp thành một huyện gọi là huyện *Phan rí chàm*. Trước đây mới vài năm, huyện này chỉ có một viên Lạ-mục, người Chàm, làm việc quan, thuộc quyền quan Tuần phủ Bình-thuận, cũng như huyện An-phước có Thổ trì huyện ở dưới quyền quan Quản đạo Ninh-thuận vậy. Mới đây, Triều đình cho quan ta vào nhận chức Trị-huyện ở Phan-rí-chàm, để cai-trị trực tiếp người Chàm hạt đó.

Bây giờ người Chàm chỉ được tự-trị lấy nhau — tuy vẫn bị kiểm sát — ở An-phước mà thôi.

Ai đã đi thăm mấy miền nam Trung-kỳ, đã thấy người Chàm, (còn có tên gọi là Hơ) hiện giờ còn lại, sinh nhai một cách vất vả và gần như quên đến hết cả lịch-sử của họ ngày xưa, hồi đù là người Việt — nghĩa là người mang giống nòi vì sự sinh-tồn đã phải chinh phục họ — cũng động lòng trắc-ẩn.

Tôi còn nhớ nhờ một người đầu-mục Chàm nói với tôi, mắt mơ màng nhìn nắng chưa dãi trên Tháp Vua : « Năm Minh-mạng thập lục năm Ất-vị quan quân đánh phá, đốt hết chết nhiều... Nhưng không biết rõ chuyện ... Không có sách Chàm nào kể chuyện đánh dẹp ấy ».

Tại sao năm đó Triều-đình lại tàn hại dân Chàm ?

Đó là đầu-đề bài khảo-cứu nhỏ này vậy.

***

Trước năm Nhâm-thìn (1832), người Chàm ở phía nam sông Kinh-đinh và đồng bằng sông Lũy, họp làm một phủ gọi là phủ Thuận-thành thuộc về trấn Bình-thuận. Phía bắc phủ Thuận-thành tức là tỉnh Khánh hòa bây giờ, thời hồi đó đã có quan ta cai-trị rồi. Phía nam là phủ Hàm-thuận, cũng thuộc về trấn Bình-thuận. Trấn có quan Trấn cai trị.

Vậy *dân Chàm ở lẩn vào giữa hai địa-hạt quan Việt cai-trị*. Ở hai địa hạt đó, dân Việt chắc đã đông lắm tuy năm Bính-dậu (1837), Triều-đình còn cho lập hai sở đồn-điền ở Bình-hòa và Đại-an (thuộc Khánh-hòa). Dân Việt ở Thuận-thành chắc cũng nhiều.

Nhưng dân Chàm được tự cai-trị ở phủ Thuận-thành, được học chữ họ và không phải nộp thuế.

Ta có thể tin chắc như thế theo tài liệu sau đây :

« Năm Nhâm-thìn (1832) tức là năm thứ XIII triều vua Minh-mạng, tháng mười, phủ Thuận-thành cải làm phủ Ninh-thuận.

Ngài (chỉ vua Minh-mạng) nghĩ rằng Thị lang Lê nguyên Trung đã từng làm Hiệp-trấn Bình-thuận, rõ biết tình trạng, mới khiến qua đó hiệp-đồng với quan trấn trù-nghị sửa-sang công việc. Khi Trung đến, tùy địa-thế *chia đặt huyện An-phước, Tuy-phong* thuộc về

phủ Ninh-thuận, *huyện Hòa-đa, Tuy-định* thuộc về phủ Hàm-thuận. Tại phủ thời đặt một *Tri-phủ*, một *Giáo-thụ*. Tuy-phong, Tuy-định, mỗi huyện đặt một *Tri-huyện*, một *Huấn-đạo* Tổng thời đặt một Chánh-tổng, nơi Hán dùng người Hán, nơi Thổ dùng người Thổ, *thuế ruộng đất của dân Thổ thời chờ ba năm rồi sẽ lấy thuế*. Và cho chữ họ như chữ Mai, Trúc, Tùng để phân biệt họ hàng.

Nhưng — cũng theo một tài-liệu đó — ta nhận thấy rằng năm Nhâm-thìn (1832), *vua Minh-mạng đã muốn Việt hóa họ và bắt họ chịu thuế* !

Có quan huyện, quan phủ cai-trị trực-tiếp họ, có quan huấn-đạo, giáo-thụ dạy họ học chữ Hán. Sự dạy học đó có bó buộc không ? Chữ Chàm có được dùng nữa không ? Tôi không được biết. Tổng người Hán (nghĩa là người Việt) có chánh tổng người Hán, nhưng tổng người Thổ (nghĩa là người Chàm, thổ-dân) được người Thổ cai-trị. Vậy chắc làng người Chàm cũng không có « lý-trưởng » người Việt.

Vậy *sự cai-trị của các quan ta còn để ít quyền cho người Chàm, không « soi bói » đến việc làng xã của họ*. Có lẽ họ vẫn dùng chữ chàm lẫn họ với nhau. Vả lại, thời đó, việc quan cũng ít, thứ nhất là thuế chưa phải đóng. Vì các lý do ấy, nên sau năm Nhâm-thìn (1832), *dù đất cũ của họ có bị chia làm phủ huyện dù có quan Việt cai-trị và dạy học, họ cũng không phản-đối Triều-đình.*

— *Nhưng vua Minh-mạng có dụ rằng « thuế ruộng đất của dân Thổ thời chờ ba năm* (sau năm Nhâm-thìn 1832) *rồi sẽ lấy »*.

Vậy dân Chàm đến năm Ất-vị (1835 sẽ phải nộp thuế cho quan phủ, huyện người Việt ?

Họ có nộp thuế không ? Hay họ nộp không đủ ? Hay họ đã nổi loạn chống với lệ nộp thuế đó ? Hay quan ta đã hà khắc ?

Tôi không được biết rõ nguyên-nhân sự thể ra sao, nhưng sử cho ta biết là dân Chàm nổi loạn theo bốn tài liệu sau đây (tài-liệu đánh số)

1 « Năm *Ất-vị (1835*, *tháng tư* Đề-đốc Bình-thuận là Vũ công Huyên, Tán-tướng à Lê đức Tiệm đem binh đánh giặc Mường *ở Kha-tốt, Tả lap, phá hơn mười sở đồn, bắt sống tướng giặc là Xạ Căn* và *chém giết rất nhiều, đốt hết đồn trại và thâu hết tiền lương* Quân Mọi tới đầu thú hơn hai trăm đứa. Chúng nó đều nói : « Bị giặc Thổ hiếp phải theo, xin tha khỏi chết ». Bọn Công Huyên phát cho cơm rượu và khăn đỏ, hết lòng hiểu dụ khiến thông báo các Mọi trở về như cũ. Rồi đem việc ấy tâu lên. Ngài nghe ban khen, thưởng công huyền gia một cấp thưởng Đức Tiệm ỷ lục mộ thứ. »

2 « *Tháng sáu, giòng đồi Chiêm-thành là Nguyễn-văn-Thừa, Nguyễn-văn-Nguyên phải tội bị giết bởi vì tên Đỗ văn Hoan xưng hai tên ấy ăm-thông với giặc Khôi ở thành Phiên-an.* »

3 « *Tháng sáu nhuận*, giặc Thổ tỉnh Bình-thuận lại tụ ở *Bắt bôn*, đi lên xuống địa hạt *Hòa-thuận, Long bàn*. Ân-sát Lê đức Tiệm, Quản-cơ Tôn-thất-Thành đánh phá tan giặc Triều đình cho Tiệm và thành thăng trật, còn binh dân các đạo đều được thưởng tiền. (Hai làng Hòa-thuận và Long bàn bây giờ thuộc về tổng Đa phước phủ Hòa-đa ở đồng bằng Sông Lũy.)

4 « *Tháng tám, giặc Mọi Bình thuận đã dẹp yên cả*. Dương văn Phong được thăng tham tri bộ Binh kiêm Đô-sát, nhưng lãnh Bố chánh Bình-thuận, lại thưởng gia quân-công một cấp.

Bốn tài-liệu chép trên đây cho ta biết là dân Chàm đã nổi loạn như thế nào và quan quân Triều-đình đã đánh dẹp ra làm sao. Ta nhận thấy như sau này :

1· Tháng tư, loạn dân Chàm bắt đầu bị đánh phá, đến tháng tám thời bị dẹp yên : *họ đã chống cự vẻn vẹn được ba bốn tháng, sau khi đẩy binh hai lần, về tháng tư và tháng sáu nhuận.*

2· Theo các tài-liệu, có dân Mường, dân Thổ dân Mọi nổi lên, không thấy nói tới dân Chàm.

Chữ *Mường* đây, cũng như chữ *Thổ* chỉ người Chàm là Thổ dân. Còn chữ *Mọi* không có thể chỉ người Chàm được, nếu không sao có câu : « Quân Mọi tới đầu thú hơn hai trăm đứa. Chúng nó đều nói : Bị giặc Thổ hiếp phải theo, xin tha khỏi chết. »

Vậy ta có thể kết luận là *người Chàm đã sui người Mọi nổi lên để giúp sức chống vậy.*

Quân Việt đã « chém giết rất nhiều, đốt hết đồn trại, thâu hết lương. » của quân Chàm, Mọi, nhưng hơn hai trăm tên Mọi đến đầu-thú đều không bị giết, lại được cấp cho « cơm, gạo và khăn đồ ». Ấy là để cho chúng « thông báo các Mọi trở về như cũ » ! Vậy chắc là nhiều vùng Mọi lúc bấy giờ đã nổi lên và *Quan ta đã muốn lấy Mọi để dụ Mọi về hàng.*

3· Sử chép rằng « giòng-giõi Chiêm-thành là Nguyễn văn Thừa, Nguyễn văn Nguyên phải tội bị giết bởi vì tên Đỗ văn Hoan xưng hai tên ấy âm-thông với giặc Khô ở thành Phiên an. »

Tôi không biết tên Đỗ văn Hoan là người Việt hay là người Chàm, làm chức gì, có chứng cớ gì mà buộc Nguyễn văn Thừa và Nguyễn văn Nguyên (hai không biết tên Chàm của hai người kia) vào tội « âm-thông với giặc Khô ở thành Phiên an » (theo tấu của Lê văn Khôi). *Tên Hoan vu-cáo để lập công chăng? Hay quan ta đặt điều ra để kèm tội giết người « giòng giõi (nhà sang) Chiêm thành » ?*

Dù Nguyễn văn Thừa và Nguyễn văn Nguyên can hay không, ta nhận là *hai người ấy đã không nổi lên với dân Chàm vào tháng tư năm Ất-vị.* Nếu ta người ấy có liên can gì với cuộc loạn thì đã bị xử-tử rồi, không cần phải có tên Đỗ-văn-Hoan bởi chuyện âm-thông với loạn Lê-văn-Khôi kia là vu cáo để họ tội ấy. Ta có thể dự-đoán là *hay có dân mọi giúp sức, dân Chàm không có đầu-mục hướng-ứng :* những người này đã bị chết. Nhưng họ có được yên đâu : vì họ là « giòng giõi Chiêm thành » nên có lẽ quan ta đã chú ý tới họ và đã muốn cho họ phải tội chết, để khỏi lo về sau (1).

4· *Chỉ dùng đến quân quân Bình-thuận, Triều-đình cũng dẹp yên được loạn người Chàm Chắc quân lính hai bên đều ít cả.* Tướng của ta là Bùi công Huyên Đề-đốc Bình-thuận, Lê đức Tiệm, Án-sát lĩnh chức Tán-tương trong quân, Tôn-thất Thông, Quản-cơ và Dương văn Phong, không biết trước chức gì nhưng sau được thăng lên Bố-chánh Bình-thuận ; tháng mười lại lên chức Tuần phủ.

Cũng như bất cứ một cuộc loạn nào, sự « khởi nghĩa » của dân Chàm năm Ất-vị (1835) có người *anh hùng* có kẻ *phản đảng* : kẻ ấy thời được. Tiểu-lục ta cho là trung ! Chính là một tên đầu mục

Sử cho ta biết rằng :

« Tháng mười (năm Ất-vị 1835) truy tặng chức Chánh-đội cho người đầu mục sách La-tuyền ở tỉnh Bình-thuận là tên Kỳ hoạch Bát.

Khi trước, quan binh đi đánh giặc Mọi, *tên Kỳ hoạch Bát trước hết theo Triều đình, ra sức do thám bắt giặc.* Khi quân Triều đình trở về, *tên giặc tất đem quân đón bắt Hoạch Bát* bức phải theo nó. Hoạch Bát không chịu, la to mắng giặc, rồi đập trán vào cây tăng mà chết.

Tuần phủ Dương văn Phong tâu lên. Ngài dụ rằng : « Kỳ-hoạch Bát là một đứa đầu mục trên Mọi mà một lòng hương-thuận, không chịu khuất giặc, tiết liệt đáng khen. » Nên cho tặng Chánh đội, lại thưởng nhà nó năm mươi đồng tiền bạc. Phải long trọng lớn và lập miếu thờ tại bốn xứ, cho tế một lần, ban biển ngạch để tỏ bày người nét nghĩa. Ngay lại ngự chế bài thơ, khiến Nội các lục thanh hai bốn, một bốn đốt mà tế, một bốn khắc bia dựng trước miếu thờ. »

« Tên giặc tất » là người anh hùng còn Kỳ hoạch Bát coi là kẻ phản bội đối với dân Chàm.

***

Sự chống cự lại với Triều-đình năm Ất-vị (1835 là sự đấu-binh lần cuối cùng của dân Chàm vậy. Dân đó sau này sẽ không có thể chống cự bằng gươm đao với quân Việt-nam nữa. Từ năm ất-vị trở về sau, họ bị quan ta cai-trị trực-tiếp... và thu thuế. Cái quan ta đã cai-trị họ như thế nào ? Có hà khắc lắm không ? Dù sao, bốn năm sau, *ta nhận thấy kết quả của sự cai-trị đó, là sự Việt nam-hóa dân Chàm* sống ở hạt

(1) *Lại còn có kẻ đầu mục đi theo quân Việt, ra sức do thám tình hình quân Chàm để lập công. Như tên Kỳ hoạch Bát, đầu mục sách La-tuyền chẳng hạn (xem ở dưới). Ta có thể chắc rằng sự khởi loạn năm Ất-vị (1835 là do dân Chàm — đa nông dân — không muốn đóng thuế cho triều-đình Huế ; dân đó đã không được của đầu mục giúp sức mà lại còn bị họ phản nữa.*

Ninh-thuận, và nhất là Bình-thuận (1).

Sử chép rằng :

« Năm Kỷ-hợi (1839), tháng ba, Ngài truyền *đổi các xứ Thổ dân tỉnh Bình-thuận gọi là Xã-dân*. Triều-đình nghĩ rằng chỗ Thuận thành đã đặt phủ huyện, người Thổ đã dần dần học theo thói người minh, quen tập việc quan, theo giáo-huấn rất mau, vậy nên truyền chỉ đổi làm Xã dân để cho biết Triều-đình coi dân Hán và dân Thổ như một ».

Tháng mười năm Nhâm thìn (1832) vua Minh mạng đã cho người Chàm tên họ là *Mai, Chú, Tùng*, tên *các cây* để phân biệt họ hàng, cũng như về tháng năm năm Đinh dậu 1837 Ngài đã ban cho dân Mọi vùng Tây-ninh (ở Nam-kỳ bây giờ) các *tên cây* và tên *súc vật* để làm tên họ, như *Lý, Đào, Dương, Hạnh, Ngưu, Dương, Tượng, Mã*.

Có người Chàm giữ tên thổ âm của họ, như Kỳ hoạch, Bát, nhưng cũng nhiều người — ngay từ hồi đó — đã có tên Việt như Nguyễn-văn-Tứa và Nguyễn văn-Nguyên.

Sau năm Kỷ-hợi (1839), chắc là tên họ Việt-nam vẫn không phải tên cấp nhà đã đem gán cho người Chàm, cũng như quần áo Việt-nam : cái khăn đen, cái áo dài đen, cái quần trắng... sẽ làm cho người Chàm bề ngoài giống người Việt vậy. Làng Chàm đều phải đổi tên Việt.

Bây giờ, nếu ta vào nhà huyện An-phước, ta sẽ thấy dân sự — dân Chàm — lên bầu việc quan — quan Chàm — như dân Việt-nam lên nha quan huyện Việt-nam vậy. Ai ai cũng có thể nói tiếng Việt được. Chữ nho và chữ quốc-ngữ nhiều người biết, còn chữ Chàm thời ít người nhớ.

Tình cảnh người Chàm hiện giờ làm cho ta phải suy ngẫm về *sự thịnh suy của các dân tộc*. Nhưng hiện giờ, nhiều người Chàm — vì ở trong các gia-đình — họ thường thường thỉnh thoảng chuyện vãn nhau — cùng ôn lại sự đánh đẹp năm Ất-vị thứ mười sáu, triều Minh mạng (1)

NG T. LAU

(1) *Những nên ta đoán vững sau năm Ất vị (1835) dân Chàm phải đóng thuế ruộng, (còn thuế đinh 2) cho Triều-đình Huế — vì không có lẽ nào mà Triều-đình lại thu thuế cho họ — ta nhận rằng, thời lúc đó có đặt quan, phủ, huyện, Triều đình đã để cho quan Chàm cai trị riêng dân Chàm ở An-phước và ở Phan ri (xem đoạn dưới).*

(1) *Theo sổ thuế ruộng đã năm 1941, ở huyện An-phước dân Chàm nộp thuế điền 7.788 mẫu và thuế thổ 1.178 mẫu và ở huyện Phan-ri Chàm, thu điền đánh vào 6.175 mẫu và thuế thổ, 288 mẫu.*

Năm Ất vị (1835) dân Chàm ở hai nơi đó đã cấy được bao nhiêu ruộng đất? Chắc chỉ có thể

Vì thế nên Triều-đình đặt quan cai trị và dạy học cho Năm thìn (1832) là đúng về phương diện chính trị. Là chỗ nên vội vất đoán không trước khi đánh thuế, cần phải xét xem dân tình ra thế nào đã. Nếu dân Chàm nghèo thời nên [illegible] cho họ vay thế thuế một ít ruộng đất mà gây sự loạn, mà bắt họ phải chống ư lời quá hà khắc vậy.

Kháng chiến ca

(Phỏng theo điệu Tiến quân Ca)

Toàn dân Việt nam ta chung lòng kháng chiến.
Kháng chiến cùng xâm lăng không đội trời chung.
Cùng cương quyết hết sức đem thân hiến.
Quyết cùng nhau đi đến nơi thành công.
Vì giang sơn tranh đấu tinh thần.
Gắng hi sinh đời ta cho quốc dân,
Dù bao nhiêu nguy khốn không cần.
Hỡi anh em Trung, cùng Bắc, Nam,
Cùng ngắm gương Đống-đa (1)
Đằng-giang (2) hay núi Lam (3) !

THI-NHÂM

1, 2, 3. — Nguyễn-Quang-Trung đánh tan quân nhà Thanh ở Đống-đa, Trần hưng Đạo phá vỡ quân Mông-cổ ở sông Bạch-đằng, Lê Thái Tổ khởi nghĩa ở Lam sơn, đánh đuổi quân Minh về nước, đều là những bậc anh hùng cứu quốc.

Hạnh Chục Ca

của NGUYỄN THI BÍCH

Số 12 — Ưng-hoè NGUYỄN-VAN-TỐ

Pháp-nhân chẳng chịu bảo-phò (1)
Rằng tôn người khác, giao cho thành-trì.
Có quan tổng-đốc Bắt-kỳ (2)
Tên là Hữu-Độ, bón trì (3) vào kinh.
Trách rằng: « Đến nỗi mất thành,
Làm tôi như vậy, nghĩ mình phải chưa. (4)
Quyền đang nay hãy tự cư,
Để coi sửa việc bao giờ đặng xong. »
Pháp-nhân lập ước hội đồng,
Những điều lấn hiếp, khó lòng y theo.
Văn-Tường chẳng chịu thuận chiều,
Trái tình Hữu-Độ, mượn điều Bắc qui (5)
Pháp quan khiến chớ tri-nghi.
Đặt ai nên kịp liệu đi chớ chầy.
Văn-Tường triều yết tâu bày,
Gửi rằng: « Xét biến phải rày tây nghi,
Vả nay nhà-nước gian-nguy,
Đều nhờ thánh đức duy-trì chế-chương
Nối ngôi, nguyện dõi tiên hoàng, (6)
Mới gên sửa dạ, kẻo thương tâm tình »,
Phán rằng: « Sử ấy đã đành,
Kiên-giang chỉn đó một mình mà thôi.
Lớn khôn tính sửa nết lơi, (7)
Đặng nên, ấy cũng là trời phó cho.
Ngửa nhờ liệt thánh âm phò,
Họa là may lại qui-mô vững bền. »
Văn-Tường gửi: « Ý rất nên,
Xin ban ý-chỉ về truyền Pháp nhân. »
Vài ngày bỗng thấy báo rằng: (8)
Pháp-quan đã bắt Nguyễn-văn xuống tàu (9)
Thất-kinh việc ấy bởi đâu?
Vừa nghe có phiến gửi tâu sự tình.
Rằng: « nay Pháp-quốc thống-binh.
Trách quan phụ-chính lệnh hành chẳng xong
Hẹn cho hai tháng giao cùng,
Việc chi việc nấy hết lòng sửa toan.
Trong ngoài đều thấy cho an (10),
Nay đà quá hạn lại càng phân vân.
Vậy nên cứ phép nghiêm răn,
Đày ra hải đảo tội chăng dung rày,
Còn như việc nước Nam đây
Có người Hữu-Độ tài hay khá dùng. (11)
Phan-đình Bình cũng tôi trung,
Giao-hai người ấy đồng lòng toan đang.
Bắc-kỳ Trong-Hợp sửa sang,
Quyền thay kinh-lược một phương giữ gìn »
Cải đồ 12) ngõ nước mau yên,
Sâm-bố khâm-sứ xin lên tâu bày.
Sự này mới thấy xưa nay,
Chẳng cho thì sợ biết rày lâm sao?
Hãy cho thử việc thế nào?
Minh-khiêm truyền dọn để vào triều tham.
Y khôn biết phép nước Nam,
Rằng cho thấy mặt mới cam sửa lòng.
Gởi xin tạm cuốn sáo rồng,
Yết rồi bỏ xuống, ngỏ cùng hỏi-han.
Lạ lùng diện mạo y-quan,
Dạ-soa mẽ dạng kinh-hoàng xiết mô.
Tiếng như chim chóc líu lo,
Nguyễn-Hoàng thông dịch phân-phó mới tường
Rằng: « Nguyên hai nước xóc thang (thương)
Chỉn vì ích lợi bảo ang (an) lâu dài.
Vì người nghịch thuyết (13) cãi lời,
Vậy nên đến nỗi xương tai rối loạn.
Nhờ nay giám quốc rộng khoan,
Thành-trì đất nước giao hoàn lại cho
Nguyễn-văn-Tường vụng mưu lo,

Để cho đến nỗi côn-đồ nhiễu-nhương,
Muốn mau đặng nước vững-vàng,
Phải toạn canh lập quốc-vương mới đành.
Hoàng-trưởng có đó sẵn dành,
Phụ-truyền tử-kế chính danh phận rồi,
Cầm quyền sửa trị có người,
Đất thành giao lại giữ coi hệ trì,
Hàm-nghi xa lánh nơi mé,
Dẫu về thời cũng phong cho công hầu »
Mấy lời nghe rõ trước sau,
Hỏi quan mình : « Ấy Pháp tâu dương nào ?
Hai quan đồng tiếng gửi vào,
Chúng tôi cũng dạ ước ao đêm ngày,
Quý-quan phân vậy rất hay,
Nghiệp lành con nối dài rày mới yêng (yên)
Trước nhờ thánh-đức chủ trương,
Sau nhờ thái-hậu mối-giềng sửa sang.
Bảo-phò lại có quý-quan,

(Xem tiếp trang 16)

---

1) Thành là bức tường cao ; trì là ao ; nhưng chữ trì đi theo chữ thành thì nghĩa là hào ở trong thành. Mạnh-tử có chữ « thành cao, trì thâm » nghĩa là « thành cao, hào sâu » cốt để giữ gìn những dinh-thự trong thành được vững-vàng bền chặt.

2) Câu « Có quan tổng-đốc Bắc-kỳ, tên là Hữu-Độ bôn trì vào kinh » bản nôm phê bốn chữ « Độ như kỳ lai », ý nói đường đột chạy vào không có ai triệu.

3) Trì là đuổi ; nghĩa đen là ngựa chạy. Tác giả sở-dĩ đặt hai chữ « bôn trì » là có ý chê Hữu Độ không ai gọi mà tự nhiên chạy vào.

4) Câu « Trách rằng đến nỗi mất thành, làm tôi như vậy, nghĩ mình phải chưa ? » bản nôm phê bốn chữ « thùy chi quá ư ? » nghĩa là « Lỗi ai đó ra ? » ý nói Nguyễn-hữu-Độ trách các quan trong triều để kinh-thành thất thủ là có lỗi. Nhưng chính Nguyễn-hữu Độ lại là người làm cho thành Hà-nội bị thất thủ trong khi cụ Hoàng-Diệu tử tiết. Hữu Độ vì có « công » ấy nên được người Pháp cử làm quyền tổng-đốc Hà-ninh. Lời phê này thật là nghĩa năm bia miệng.

5) Câu « Trái tình, Hữu-Độ mượn điều Bắc qui », bản nôm phê một câu rằng : « thử hồi sinh xuất vô số việc hay ! » Câu này cũng lại chỉ-trích Nguyễn-hữu-Độ. Chữ « hao sự » chính nghĩa là « việc hay ». Nhưng ở câu này lại là những việc không hay. Xem một việc mình là bậc đại-thần thay mặt cả Bắc-kỳ vào kinh-đô, mà lại dời bỏ về, thì đủ biết cử-chỉ trẻ con.

6) Nguyễn đời tiên-hoàng là xin lấy đồng đồng vua trước, ý nói con nuôi vua tự-đức hiện còn kiêm giang quận-công Ưng-kỷ, năm ấy đã hai mươi ba tuổi (sau là vua Đồng-Khánh).

7) Lời là chỉ xe không chặt, nết lời là nết bồ g phồi không nhất định, câu « Lớn khôn tính sửa nết lời » ý nói tính nết đã sửa đổi đúng đắn.

8) Câu « Vài ngày bỗng thấy báo rằng : Pháp quan đã bắt Nguyễn-Văn xuống tàu », bản nôm phê bốn chữ « lộng xảo thành chuyết » nghĩa là « khéo quá hóa vụng », ý nói chính Nguyễn-văn-Tường có ý hòa với tây trước, mà lại bị Tây bắt và làm tội.

9) Riêng câu « Pháp-quan đã bắt Nguyễn-Văn xuống tàu » bản nôm lại phê một câu rằng : « Tự thị ngã-nam nhân chủ sử » nghĩa là « chính có người Nam ta sai ».

10) Câu « Trong ngoài đều thấy cho an, nay đà quá hạn lại càng phân vân », bản nôm phê câu « Dục gia chi tội, hà hoạn vô từ » nghĩa là « muốn thêm tội, lo gì không có » ý nói người Tây đồ tội Nguyễ -văn-Tường quá hạn, nên bắt tội, người cầm bút phê cho rằng muốn buộc tội, thì nói thế nào mà chẳng được, việc gì phải tìm cớ quá hạn !

11) Câu « còn như việc nước Nam đây, có người Hữu-Độ tài hay khá dùng... » bản nôm phê rằng : « Ngạn vân tác cụ hứa nhân thực, tin nhiên ! » nghĩa là « Tục ngạn có câu làm cỗ cho người ăn, thật đúng » vì bốn tầu để giảng hòa thì Nguyễn-văn-Tường khó nhọc, mà đến lúc được phá quân thì Nguyễn-hữu Độ được hưởng.

12) Cải là đổi, đồ là lo toan, nghĩa là mưu tính đường khác.

13) Hai chữ « nghịch thuyết » là lời người Pháp, còn như người Nam ta thì nên tôn trọng ông là một bậc trung thần đã biết hy-sinh vì nước. Phàm đời nào cũng vậy, họ sau ăn cướp của họ trước, những bề tôi của họ trước không theo, nên gọi là nghịch. Đến Tàu ngày nay cũng có một cảnh-ngộ ấy nên có câu « Chu chi ngoan dân, Thương chi hiền thần » nghĩa là « những dân ngoan ngạnh của nhà Chu, tức là hiền thần của nhà Thương », Tôn-thất Thuyết chính là phản nghịch của người Pháp mà là trung thần của nước Nam, nếu đình-thần bấy giờ, ai ai cũng là « nghịch Thuyết », thì có lẽ nước Nam không mất về tay người Pháp đến sáu mươi năm nay.

Bàn góp phép công

ĐỖ - THÚC

ƯỚC Việt-Nam dân-chủ cộng-hòa hiện này phép công hay là công pháp đang ở thời kỳ soạn. Nhiều báo đã có những bài bàn luận, có giá trị nên lợi cho nhà lập pháp. Về phần riêng pháp, hôm nay số Tri Tân ngày 1-11-1945 (trang 4) đã nhời Hồ Chủ tịch gửi các nhà báo Hoa Mỹ Việt Pháp, trong khi họ đến ngày 21-10-1945 « Hiến pháp Việt Nam đã thảo ra rồi, về phần công dân ở bây giờ hãy kiến và cho thi cả ý nghĩ toàn quốc họp vào thảo chấp để đề cử cụ Hồ ».

Toàn quốc đều mong muốn pháp Việt Nam hoàn bảo sau này đắp vững trái.

Để mà tới nơi đích ấy, nhà lập pháp ta cần biết rõ những nguyên tắc lý cơ một nước dân chủ Pháp quốc hiện nay ở trong lòng nhân dân, có thể nói, trong những thế mà thôi, đối với người nước ngoài, công dân

điều đó thì vứt bỏ. Mấy bài tác giả khảo luận tóm lược sau này mong giúp bạn đọc một đôi chút trên phương diện ấy.

I — *Quyền lợi, nghĩa vụ*

Công pháp Pháp ngữ là droit public có kể nhiều quyền lợi của dân mà nói ít về nghĩa vụ, dành phần cho nhà cầm quyền lý. Nhưng quyền lợi nhân dân ở nước Việt Nam, nghĩa vụ bao kín, trong bảo hiến của mình, cũng mở mời tự do, mà lự gần tâm công dân có quyền tự do bày ý kiến, quyền lợi của mình, nhưng sự ấy có phải đến tôn trật tự công chung, do đó mà có hại đến sự bình là quyền lợi của một kẻ khác một đoàn thể nào, kể cả nước nhà nữa.

Công dân có quyền tự mình hay là bởi những người cử ra làm đại biểu, nhân rõ sự cần dân thế, được tự do thoả đáng, chứ không phải là việc tùy ý vậy.

Dưới chế độ quân chủ, phát sinh ấy thực dân cùng thế, nhân dân chỉ thấy những nghĩa vụ như ở cái tròng cái ách, mà ít ở quyền lợi được những gì, vì dù có được một món quyền lợi nào, thì cũng chẳng được bảo đảm chắc chắn vì những quyền hành đều thường ở trong một tay độc đoán mà lại theo chế độ dân chủ như trên đã bày, phần quyền của mỗi người dân chúng thấy lớn nhiều hơn phần nghĩa vụ. Là vì dân có rõ sự xét đến mà sự tắc nông. Có khi để mà có quan cầm sát hay tư pháp phải bắt bớ mà can thiệp vào việc riêng của mình ấy là một khoản làm mất quyền tự và hề điều cần « dân một nước tự do, độc lập. Không những thế mà thôi, đối với người nước ngoài, công dân

ta nên hết sức làm những việc, cứ luật lệ không bó buộc phải làm, để bảo tồn vinh dự quê hương tổ quốc.

2 — *Nhân quyền, dân quyền*

Quyền nhân dân ở cá nhân, tức là một người, thì là một khối không thể chia tách, vì đều căn xứ ở duy nhất quốc gia, chủ quyền dân chúng nhưng đối với luật pháp, để tiện việc khảo cứu có thể phân ra làm 2 phần.

a) nhân quyền là những quyền của con người ta bẩm sinh vốn có, như tự-do, bình đẳng, lao công, tư hưởng, ngôn luận, tín ngưỡng, sùng bái, v v.

b) dân quyền là những quyền của công dân, bởi nhân luật đặt ra như bình đẳng đối với luật, tu bổ chính trị, định thuế khóa, kiểm soát việc chi phí công quỹ, giám sát việc công chức, bảo cử đại biểu, v v.

Có quyền thì ắt có lợi, chẳng ít thì nhiều, thuộc phần vật chất hữu hình hay là về phần tinh thần vô hình. Cho nên lắm lúc nói *quyền* chỉ dùng một tiếng, hay một chữ ấy cũng đủ không phải thêm tiếng hay chữ lợi đi theo. Như nói quyền lợi tự do tín ngưỡng, hình như khó lọt tai, vì sự sùng bái thường thường chẳng hòng tự lợi. Nhưng lịch sử di vãng đã chứng minh rằng Pháp xưa có lối dân chúng đã phải đòi quyền lợi tự do tín ngưỡng ấy.

3 — *Luật cai trị, luật cai trị*

Hai phần luật ấy chấp lại là công pháp, nghĩa là tất cả những luật thuộc về sự tổ chức chính trị và cai trị trong nước.

Hiến pháp là luật chính trị, đặt qui cũ rất khó thay đổi để tổ chức những quyền to nhỏn của quốc gia, và những mối liên tiếp do luật ấy đặt ra ở giữa những quyền ấy hành động như những thiên máy của chính thể.

Hành chính pháp ấy là luật cai trị, đặt qui tắc tổ chức các công sở và cai trị và những sự liên tiếp ở giữa các tư nhân với các công sở ấy.

Những quyền hành bộ phận to nhỏn trên quốc gia là: a) quyền luật pháp do các nghị viên dân biểu trong nước cộng hòa hành vi; b) quyền chấp hành, giao một chủ tịch hay là thông lĩnh, giám quốc, quốc trưởng cùng các bộ trưởng chiếu luật thi hành mà chịu trách nhiệm trước nghị viện dân biểu; c) quyền tư pháp do các tòa án hành vi theo luật mà xét nghĩ xét án hình, hộ. Nguyên tắc phân ba thứ quyền ấy không để một người được kiêm nhiệm cả ba, là một trong những nguyên tắc nền tảng chính thể dân chủ; vì có phân quyền như thế thì mới chuyên được những sự lộng quyền, tham quyền, hoành hành gây mầm rối loạn.

Hiến pháp không những các nước dân chủ ít có, trong những chính thể quân chủ ở đây chưa lập ra, như nước Anh, Nhật, Bồn, An-nam.

Công pháp là tự trong tự, đặt nhẽ tự nhiên của sự vật do dân quốc nhân dân thỏa thuận mà đặt ra, khác với vương pháp là của nhà vua ban hành, hay là luật nhà tôn giáo, như nhời *thánh phán*, hay *phật pháp*, hay *luật Bề Trên* diễn ra. Bởi vậy, trong luật thương không có một ý tưởng thần bí. Nhưng trong tờ nguyên ngôn nhân quyền dân quyền của Pháp cách mệnh năm 1791, hình như cũng vì một chút tín tưởng thượng đế mà đã sản xuất.

Luật cai trị có thể thay nghĩ thay đổi, cho hợp thời, cho thiết thực; nhưng không nên vì cớ ấy mà hấp tấp đặt ra để mà thủ tiêu sau một tuần trăng ngắn ngủi thi hành.

Tổ chức những cơ quan hành chính ở các địa phương, xã, tổng, huyện hay phủ; những công sở làm việc tư pháp, tài chính, học chính, v v ấy đều thuộc về phần luật cai trị. Các mối giao tiếp giữa những công sở, và các tư nhân với các công sở ấy đều nói theo qui tắc có chuẩn định hẳn hoi. Tư nhân, cá nhân có tỉ gần ngăn trong mà kể ra những cá nhân vô vàn tư hữu, vì là pháp nhân, nhưng là được chiếu luật mà cũng như một người công dân có quyền lợi vì độ quyền lợi sở hữu quốc gia đối với một người tư hữu ấy là bất lý thời là, dòng trễ nào có tư cách luật pháp (capacité juridique), có xin phép trước mặt, trước mặt quan riêng gọi là hội đồng tỉnh chính tế, tổng (conseil du préfecture). Theo thể độ cũ đặt ở Bắc kỳ, các xã có quyền tự kiện, những phải có thủ kiện, tức là thường sự nói chức nha khác lợi bị bác, cho phép

(xem tiếp trang 15)

ĐÊ ĐÍNH CHÍNH NHỮNG BÀI VĂN CỔ

Số 90

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

CXXXV. — Kim-Vân-Kiều
(bài nối)

Hồi thứ năm

Thúy-Kiều ngồi khóc mãi, đến lúc trời gần sáng, Thúy Vân thức dậy, hỏi : « Chị dậy từ bao giờ ? » Thúy-Kiều đáp : « Từ nửa đêm, chị nằm thấy một cái ác-mộng : xem đời chị tất phải lưu-lạc. Trời sinh cái mệnh của chị, bắt phải như thế, chị cũng không oán giận gì... Chị có làm tám bài thơ, đầu bài là *giấc mộng tỉnh*. Khi nào Kim-Trọng về, em đưa cho chàng xem, và nói hộ chị rằng : Đó là tuyệt-bút lúc chị ra đi » Thúy Vân hỏi : « Chị thấy thế nào mà gọi là ác-mộng ? » Thúy-Kiều nói : Nếu thuật lại, chỉ thêm đau lòng, thôi nín đi còn hơn ». Thúy Vân cầm thơ toan xem, thì thấy có tiếng gõ cửa, liền đứng dậy mở, thấy mẹ vào, đến trước mặt Thúy-Kiều bảo rằng : « Này con ơi ! cha bảo sống chết có trời, phải theo số mệnh. Nếu cha không qua khỏi tai nạn, thì cả nhà chẳng chết, chứ không nỡ để một mình con phiêu-lưu mà cả nhà sung sướng ». Thúy Kiều gạt nước mắt, nói rằng : « Cha con nói như thế, thật là lời một bậc từ phụ. Nhưng mắt con, trông thấy cha mắc tai ương, thì dù con có giết mình con mà khỏi được tai-họa, con cũng không tiếc ; huống chi bán mình, cũng chưa đến nỗi chết kia mà ! Con thiết tưởng nếu con không bỏ cái thân của con, thì cha con và em con thế tất chết ở chỗ lao-tù. Đến lúc lấy vợ gả con cái, không ai thân thích, không lấy gì nuôi sống - sợ chẳng lưu-lạc làm tỳ-thiếp người ta ư ? Đợi đến lúc nhà tan người mất, mới làm tỳ thiếp, chi bằng ngày nay bỏ mình để cứu cha ! Trời không phụ, thì tự khác sa vào chỗ tử-tế mà được yên thân, cũng chưa biết chừng. Xin cha mẹ bớt tất lo nghĩ đến thân phận con ». Người mẹ khóc to, nói rằng : « Con ơi ! Ai sinh ra con ? Ai nuôi con lớn bằng ngần này ? Sao nỡ đem bán làm tiểu-thiếp người ta ? Con chưa hiểu cái cảnh ngộ làm tiểu-thiếp khổ sở biết là chừng nào ! Như bây giờ hắn yêu con, thì được sung-sướng. Khi về nhà hắn, trông thấy vợ cả, cảnh-ngộ đã không vui, - người chồng có yêu con đến mười phần, bị chúng nói ra nói vào cũng giảm mất tám, chín phần ; huống chi chưa hiểu được người ta có thương con đến trọn đời không ? Lúc bấy giờ đánh chửi tự hắn, sống chết tự hắn, cái thân con sợ không chịu nổi những sự khổ sở ấy. Từ thuở nhỏ con được cha mẹ chiều chuộng, ăn thì hoa mỹ, đến khi về nhà người ta làm tiểu-thiếp, thì phải tức khuya dậy sớm, làm ăn khó nhọc.. Giả này nghĩ đến chỗ đó, thật là đau đớn giết người ». Nói rồi, lăn xuống đất khóc Thúy-Kiều vội vàng đến trước ôm dậy ! kêu rằng : Mẹ ơi, tỉnh dậy ! Mẹ ơi, tỉnh dậy ! con chẳng qua mới là bán mình, chưa đến nỗi chết, thế mà sao mẹ đau đớn đến ngất đi bất-tỉnh, chẳng hóa ra con giết mẹ ư ? Cha con và các em con là người ở đâu ? Mẹ nên giữ gìn tính mệnh cho cẩn thận, để được thấy mặt cha con và các em con. May ra được hoàn toàn, thì cái thân con này chết ở tha-hương khách-địa cũng cam-tâm. Nếu mẹ cứ buồn rầu như thế này, thì không biết chết hay sống. Con dù chết, cũng không nhắm mắt ». Thúy-Kiều vừa khóc vừa nói, tay

miệng mẹ và lau mặt. Vương-bà dần dần tỉnh lại, nói rằng : « Con ơi ! ta nghĩ nếu con không đi, thì cha con không sống được. Nếu cha con sống, thì con tất phải đi. Một đàng chết thành ra vĩnh biệt, một đàng sống mà phải xa nhau : hai đàng đều đau khổ như nhau, ta thật không nỡ trông thấy quang-cảnh ấy. chi bằng ta chết trước, chứ con mắt ta thật không nỡ trông ». Nói rồi, đâm đầu vào cột, định tự tử. Thúy-Kiều-Thúy - Vân vội vàng ôm lấy mẹ, nói rằng : « Nếu mẹ chết thì lại thêm ra một chuyện nữa ». Ba mẹ con kể lể tình thương, rồi ôm nhau khóc to, khóc đến nỗi không ai khuyên giải nổi...

Chợt nghe ngoài cửa có tiếng người. Thúy-Kiều nói : « Xin mẹ hãy nín đi, cha con đã về kia ». Cả ba mẹ con đều nín bặt, mở cửa, quả nhiên thấy cha, em và Chung - công cùng mụ mối với người khách họ Mã, đi vào. Vương viên ngoại trông thấy Thúy Kiều. động lòng khóc nức - nở, Thúy-Kiều thưa rằng : « Xin cha hãy nín đi, để bàn định xong việc đã, bấy giờ cha sẽ khóc cũng không muộn gì ». Cả nhà đều im lặng, Vương viên ngoại mới nín, Thúy - Kiều nói với Chung-công rằng : « Như bây giờ tôi có tiền, xin hỏi ông làm thế nào cho cha tôi và em tôi qua khỏi một cách thanh - thoát. Giao cho tôi một tờ làm chứng-cớ, tôi sẽ giao tiền cho ông, xong rồi tôi sẽ đi theo người đã đưa tiền để cứu cha tôi và em tôi. Như thế là số bạc này, quan-ty không có xét giấy minh bạch thì việc gì phải bắt tôi đến chỗ quan-ty cho thêm khổ thêm xấu. » Chung - công nói : « Tôi ở chỗ nha-môn đã già đời : việc gì tôi giúp được người ta, tôi mới ăn, nếu không giúp được thì không ăn bao giờ, nên quan trên biết tôi là người trung - hậu mà tin dùng, bạn hữu biết tôi là người thật - thà thẳng - thắn mà nhờ cậy. Nay cô vì lệnh-tôn phải bán mình, thì cái đồng tiền ấy nghĩa-lý thế nào, tôi đã biết lắm. Ba trăm lạng bạc ấy, cứ gửi ở nhà tôi, rồi cùng lệnh-tôn và lệnh đệ đến yết - kiến quan bản hạt trước, xin tờ bằng-chứng, để đối với nhà cô từ nay về sau không can - thiệp gì nữa. Rồi sau mới đem số bạc đưa đi. Còn đối với người khách họ Mã, tôi sẽ nói rõ ràng để người ta biết rằng : Ông cứ giao số bạc cho hắn, công việc nhà họ Vương tôi đảm nhận hết. Trong nha-môn có điều tiếng gì, tôi sẽ xin các ông ấy ngơ đi được hết, ông nên bảo những người danh-sắc trong làng ông làm một tờ trình lên quan, quan trên sẽ có ấn-tín nhận cho nhà ông không can gì. Ông tôi lại viết một tờ chứng - thư bảo toàn việc của lệnh - tôn về sau không xảy ra sự gì cả. Có còn sợ gì nữa ? » Thúy - Kiều thưa rằng : « Nếu làm được ổn - thỏa như thế, thì tôi không lo ngại gì nữa ».

Chung - công ngảnh về phía người khách họ Mã nói rằng : « Ông cứ đưa số bạc cho ấy tôi, đợi tôi thu-xếp xong công - việc của nhà họ Vương, tôi sẽ bảo cô con gái lớn của viên - ngoại phải đi theo ông ». Người khách họ Mã xem chừng ngần ngại. Chung-công nói : « Không hề gì, Vương viên - ngoại là người trung hậu, mà tôi lại đảm-nhận việc ấy. Nếu có ai nói gì thì cứ tôi. Tôi sẽ viết một tờ nhận - lĩnh đưa ông ». Người khách họ Mã nói : « Nếu được như thế, tôi xin giao tiền ngay ». Chung-công bèn cầm bút viết một tờ *Ư khứa quản văn thư* nói : « Tôi là Chung - Sự làm tờ quản - nhận như sau này : Nay có hiếu-nữ là Vương - Thúy - Kiều vì cha bán mình làm tiểu-thiếp người họ Mã, định tiền sính-lễ bốn trăm năm mươi lạng bạc, tôi nhận số bạc ấy, hẹn trong ba ngày thu xếp xong việc ở quan - nha. vì sợ lòng người khó tin, nên viết tờ quản - nhận này làm bằng » ngày 15 tháng tư năm 11 hiệu Gia - tĩnh 1532. » Dưới tờ có mụ mối họ Hàm làm chứng. Chung - công viết xong, đưa cho người khách họ Mã. họ mã xem xong, cất đi, rồi nói rằng : « Đã có ông đảm-đương, tôi xin vâng lời. Nhưng nên viết luôn tờ hôn - thư, để tôi giao số bạc cho tiện ». Chung công ngảnh về phía viên-ngoại nói rằng : « Việc này ông không nên để chậm, vậy thì viết hôn-thư đi, để lấy tiền trang xếp cho xong việc ». Viên-ngoại nghe nói, ôa lên khóc nức khóc nở, nói không ra hơi. Vương-bà và Vương - Quan, Thúy-Vân cũng khóc nốt, thế là cả nhà cùng khóc. Thúy Kiều trông thấy quang cảnh ấy, cũng không khỏi rỏ nước mắt, nói với Chung-công

rằng : « Thưa ông cha tôi nỡ nào viết văn-khế bán tôi, ý-nghĩ ấy là tự tôi, thì tôi có thể tự làm hôn-thư được ». Chung-công bảo rằng : « Cô nói có lý ». Thúy-Kiều bèn mài mực trải giấy, cầm bút sắp viết, nghĩ đến Kim-Trọng nước mắt như mưa, lại sợ cha mẹ đau đớn, đành gạt nước mắt viết hôn-thư như sau này : « Tôi là Vương-Thúy-Kiều vì cha bị mắc vào vòng lụy-tết không cứu được, tình nguyện gả làm tiểu thiếp họ Mã, định sinh lễ là bốn trăm năm mươi lạng, cùng ngày hôm nay đã nhận đủ, khi đã về nhà chồng hoặc ở hoặc đi, xin theo người chồng quyết định. Sợ về sau không có bằng cớ, nên viết hôn-thư này. Ngày rằm tháng 4 năm 11 hiệu Gia-tĩnh. Viết hôn thư là người con gái tên Vương-Thúy-Kiều ». Rồi viết sẵn cả tên những người có mặt ở đấy, là Chung-Sự, mụ mối họ Hàm, Cha là Vương-tử-Trinh, mẹ là họ Hà, em là Vương-Quan.

Thúy-Kiều viết xong ký tên rồi, đưa cho mụ mối, mụ mối ký rồi đưa cho Chung-công. Chung-công ký xong, đưa cho viên-ngoại, rồi nói rằng : « Nay ông ký mấy chữ để lấy tiền ». Viên-ngoại khóc nói rằng : « Ông ơi ! tôi là cha mẹ không thể ép con gái, tìm chỗ cứng đó phải ứa, mà tác-thành xho chúng nó nay lại gả nó bán mình, thì trong lòng sao yên ? Tôi khôn nỡ ký vào tờ giấy ấy ». Thúy-Kiều nói rằng : « Cha mẹ ký vào hôn thư mấy, cũng như không sinh con mà thôi ». Viên-ngoại nghe câu nói ấy, như dầu đổ vào dầu, như dao cắt ruột, chạy lại trước Thúy-Kiều nói rằng : « Cái thân khốn khổ này, sinh ra con bằng ngần ấy nuôi cho con bằng ngần này, đến bây giờ con đã lấy chồng, cha lại không im được chỗ xứng đó phải lứa gây dựng lấy gia-đình hạnh-phúc cho con ! Để con phải bán mình cứu lấy tính-mệnh cho cha, cả mệnh khốn khổ này được ích gì ? dùng làm gì ? » Nói xong đâm đầu vào tường, may lúc ấy Chung-công ở cạnh, ngăn ngay được. Thúy-Kiều vội vàng đứng dậy ôm lấy cha, nói rằng : « Cha là chủ trong một nhà, cả nhà đều trông cậy vào cha, sao cha lại đoản kiến như thế ? Nếu cha chết thì mẹ con làm thế nào ? em trai con làm thế nào ? em gái con làm thế nào ? Không kể gì cái thân con lưu-lạc sống chết chốn tha-hương, ngay như ba người ấy cũng bị phiêu lưu. Xin cha nghĩ lại cho kỹ : thân thể cha quan-hệ lớn lắm, sao nỡ tự-kiệt như thế ? Nay tuy mắc nạn, nhưng rồi ra thoát nạn, em con đi học, há không có lúc thăng-thiên ? Bấy giờ cha-mẹ hưởng-thụ phú, cả phú-quí lẫn vinh-hoa. Nếu quả thực là cả nhà không quên ơn thì cho một con đó đi tìm con, hễ thấy con rồi sẽ cùng các em cùng hợp mặt. Tức là cái ân tái-tạo của cha đó. Nếu ngày nay cha chết đi, thì chẳng được ích gì, mà thêm hại ». Viên-ngoại bảo rằng : « Lời con nói tuy là phải, nhưng cha không nỡ bỏ con được ». Thúy-Kiều thưa rằng : « Sự đã đến như thế, không còn cách gì khác khả dĩ giải nguy. Cha là một bậc đại trượng-phu, nên vứt cái lòng thương nhỏ mọn, để thành việc lớn việc gì còn bắt chước cái thói của nhi-nữ, mà làm mất cái chí-khí anh-hùng ! Con đã làm nổi người con gái « sát thân thành nhân » (bỏ thân mình để nên việc có nghĩa-lý), cha há lại không làm nổi người trượng-phu « minh triết bảo thân » (sáng suốt giữ mình) hay sao ? Cổ-nhân có câu : « dưỡng tử phòng lão » (nuôi con để phòng tuổi già). Lại có câu : « gia bần kiến hiếu tử » (nhà nghèo mới thấy con có hiếu). Nay chính là lúc ấy, nên phải làm một việc bất-hủ, để đời sau xem. Tuy gọi là bất-hạnh mà thật là đại-hạnh. Huống chi số con nguyên là bạc-mệnh, không bẩm-tiện thì chết non. Giả như con bị bệnh chết rồi, thì dù có lòng hiếu, cũng chẳng ai biết đâu mà thương sót. Nay chẳng may gặp tai họa này, cha bị mắc nạn, lại tác thành cho con là hiếu-nữ, cái tiếng thơm còn để lại, há chẳng phải là việc rất tốt đó ru ? Con đã chịu cam lòng bỏ nhà ra đi, thì cha cũng nên bớt cái lòng buồn rầu đau đớn. Thì giờ không đợi nữa đâu, không nên chậm-trễ. Cha nên ký cho mấy chữ, đợi Mã-sinh đến giao số bạc, thế là xong việc ». Cả nhà đều khuyên viên-ngoại rằng : « Cô-nương nói có lý lắm. Làm thân con gái mà đi ra khỏi nhà, chính là lúc đi lấy chồng ; huống chi từ đây tới Lâm-tri cũng không xa mấy ! nay mai xong việc, ông đến thăm con, có hề gì đâu. Có như Chiêu-quân ra khỏi cửa ải mà buồn rầu đau đớn, để phụ tấm lòng hiếu của cô-nương

(Xem tiếp trang 17

BÀN GÓP PHÉP CÔNG

(tiếp theo trang 11)

thì mới được tư đơn kiện. Như vậy, nếu nhà nước bảo bộ chiếm quyền của một xã nào. Một cách bất công, cũng chẳng khi nào bị đòi gọi lên tòa kia. Bởi vậy, chính phủ thực dân được lộng quyền, bằng cách lợi dụng quyền Nam Triều cũ.

Luật xưa bên Á Đông và bên ta không nghĩ đến việc có thể phát hiện là một người tư kiện nhà nước, hay là chính phủ làm thiệt hại một món gì, có chuẩn đích bằng chứng tỏ tường. Nhà nho đã quen tư tưởng theo lối chính trị của không giáo thì lấy làm ngạc nhiên thấy một kẻ công dân đi kiện chính phủ. Sự này tưởng chẳng quái gở, nếu người ta đã mở rộng nghĩa câu *dân vi qui* đến chỗ lấy nhẽ công làm quí vậy. Một kẻ làm sự bất công, dẫu rằng quốc gia hay là chính phủ nào mặc lòng, cũng có thể đem lên tòa án xét nghĩ bồi thường. Luật quốc tế hiện thời tính như cũng chẳng qua được cái nhẽ đó.

Nhưng từ chỗ lý thuyết đến chỗ thực hành, đường đi rất giải vậy.

4. *Hiến pháp Việt-nam tương lai.*

Để mà đặt hiến pháp Việt-nam tương lai, nhà lập pháp hiện nay ắt đã nghĩ đến sự cần nghiên cứu những hiến pháp đủ sẵn có trong các nước Đồng-minh, dân chủ chính thể như Mỹ, Nga, Hoa, mà nhất là Mỹ vì xưa cũng ở trong một tình cảnh phải kháng chiến như nước Nam đương thời, là thuộc địa đòi quyền độc lập. Nhà khảo luận luật học không thể vì thế mà không nhìn đến chính thể dân chủ cộng hòa của Pháp. Chính thể này, cứ nhờ truyền ngôn nhân quyền dân quyền dẫu rằng đã lâu năm đã trải qua bao kỳ đại chiến tranh mà vẫn còn khuôn cũ, nương chưa chắc đã hoàn hảo, đến nỗi không thể chê được. Quả thế vậy, xã hội chính trị người Pháp có nhiều sự thối nát ngấm ngầm, nhiều chỗ khuyết liệt, nhà lập pháp không thể nom rõ được trong lúc thực hành, mà nhà chấp hành thì cố ý che đậy để tỏ công lao của chính phủ đối với quốc dân. Vì thế, ta thường thấy những việc chắc là những phần chính triết thức thời trong quốc dân ấy đều biết là vô nhân đạo thái công lý, mà vẫn được chính phủ bênh vực không thôi, cứ chuẩn y như bị bưng mắt, chính sách thực dân cho lợi riêng đám một tài phiệt là một trong những việc kia.

5. *Việt-Nam dân chủ cộng hòa hiện thời với La-Mã dân chủ cộng hòa đời cổ.*

Lịch sử sau này hẳn rồi được so sánh vụ về nước Việt Nam hiện thời với La-Mã đời cổ, dân tộc ta đã quyết chí noi hình thể dân chủ cộng hòa như La-mã ấy, duy không muốn xâm lấn các dân tộc khác để mong tự lợi; chỉ ngũ đến việc quốc phòng, sự phúc hạnh dân sinh là những mục đích tối cao vậy.

Dân cổ La Mã đã lập thành một chính thể dân chủ rất hợp với chính lí, đã sản xuất những đạo luật làm kiểu mẫu cho các nhà lập pháp những nước cộng hòa Âu Mỹ hiện thời.

Bản luật gọi là *mười hai bàn* của dân La-mã xưa một câu nói rằng: *Điều gì mà dân chúng sẽ đã định ra sau cùng ấy là luật đấy.* Câu ấy do tiếng Pháp dịch: Ce que le peuple aura ordonné en dernier lieu sera la loi.

Lịch sử dân nước La-mã (từ năm 509 đến 300 trước Thiên Chúa giáng sinh) cho ta biết rằng dân nước ấy đã có hai phe: bình dân và phe trưởng giả phú hộ. Phe bình dân phải gánh vác việc nước, nhưng chẳng đâu cái nơi mà được quyền lợi rất ít, đến nỗi khi đã chinh chiến thắng lợi về nước bị người phe phái bắt mình làm nô-lệ. Phe bình dân này không được làm những chức lập pháp, không được giá thú chính bức với người trong phe trưởng giả. Vì vậy, cho nên phe bình dân đã nhiều phen khởi ngoại mà đòi những quyền tự do bình đẳng. Rút cục sau La-mã chỉ có một hạng công dân mà thôi vậy.

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ.

Vả lại Mã-sinh đã nói vợ cả không con. Nếu cô-nương về nhà họ Mã mà sinh được một con trai, thì cả nhà không ai dám khinh là tiểu-thiếp, không những chồng kính nể, cả chính thất cũng phải yêu vì. Nếu mà số không hay, gả làm vợ cả một người, mà mãi không con, rồi sinh ra buồn bực, gia-tài hoang-phí, chẳng phải sầu khổ suốt đời ư? Như thế, là ở số mệnh tốt hay xấu, chứ không kể gì vợ cả hay vợ lẽ. Chúng tôi lại nghĩ: Mã-sinh đem số tiền đi tìm tiểu-thiếp, cốt cầu con trai, mà cô có lòng hiếu như thế, tài trời cũng báo ứng cho cô có con trai, về sau chắc là sung sướng. Vương ông không nên lo xa gì nữa. mau mau ký vào cho xong việc ». Viên ngoại cúi đầu, không nói được câu gì nữa. Chưa biết cô chịu kỳ hay không, xem hồi sau sẽ rõ (Lược dịch quyển *Kim Vân Kiều* của Thanh-tâm tài-nhân số A 953, tờ 48 a - 55 b).

(*Còn nữa*)

HẠNH THỤC CA

(Tiếp theo trang 8)

Ắt là bình-trị phục hoàn như xưa » (14)
Thoáng nghe mọi nỗi bày thưa,
Phán rằng : « Đặng vậy cũng nhờ các người
Nay ta đều thấy y lời,
Đô-thành khá kíp giao lại chớ chầy,
Kiên giang công rước về đây,
Xung-khiêm tạm chú chớ ngày hồi đô.
Làm sao cướp đặng lại cho (15)
Vì dân mến chúa phải lo phục người.
Nền nhân cội đức tần bồi,
Dù mà muốn kiếp nào trời khẳng cho.
Ướm lòng Pháp-quốc hộ phò,
Trước về ngõ đặng thăm dò dường bao ».
Quan minh tề tập hội chầu,
Kinh-thành bèn khiến bàn-giao tức kỳ.
Tôn-thân có dạ kinh vì,
Xem tình chẳng chút man khi lộ mầu,
Sai quan các việc rõ lâu.
Xin hầu tử giá khá mau ngự hồi. »

Trong khi (5-7 1885) Tôn-thất-Thuyết đem vua Hàm-nghi ra Quảng trị, vàn thần các nơi nổi lên, khởi nghĩa để khôi phục giang sơn; Cố nhiên người Pháp không chịu bảo-phò ; họ nói rằng : « Phải tôn người khác làm vua, thì mới giao trả thành trì ». Lúc ấy có quan tổng-đốc ở Bắc-kỳ là Nguyễn hữu Độ vào kinh, trách các quan trong kinh rằng : « Đô kinh thành thất-thủ, làm bề tôi mà như thế, nghĩ đã phải chưa ? Các quan có quyền đảm-đang công việc, thử ra sắp đặt xem bao giờ xong ». Người Tây bội-đồng lập giao-ước, có những điều lấn-hiếp không ai chịu nổi. Nguyễn-văn Tường cũng không chịu chiều lòng người Tây, thành ra trái ý Nguyễn-hữu-Độ. Độ mượn cớ về Bắc. Người Pháp thì giục tôn ai làm vua thì nên chong-chóng để liệu việc khác. Nguyễn văn Tường vào chầu rồi tâu với thái hậu rằng : « Xử lúc biến thì phải tòng quyền mà tùy nghi. Nhà nước đang gặp lúc gian nguy, đều nhờ thánh đức : duy trì chủ trương nếu bàn đến việc nối ngôi, xin cứ theo dòng-dõi tiên-đế, thì mới yên tâm mà không tổn hại ». Thái-hậu phán rằng : « Việc ấy đã đành, hoàng-tử chỉ còn một mình Kiên-giang-công, nay đã lớn khôn, tính nết đã sửa đổi nếu được lên cũng là trời phó cho, và nhờ hiệt thánh âm-phò, may ra lại được qui-mô vững-bền ». Nguyễn-văn-Tường tâu rằng : « Rất phải, xin ngài ban ý-chỉ để truyền cho người Pháp biết ». Được vài ngày bỗng có tin báo « Người Pháp đã bắt Nguyễn-văn-Tường xuống tàu rồi ». Thoạt nghe ai cũng thất kinh rụng rời, không biết duyên cớ bởi đâu ? Thì vừa có phiến của người Pháp tâu rõ sự-tình rằng : « Chức thống-binh của nước Pháp, trách quan phụ-chính lệnh hành không xong, hẹn cho hai tháng phải bàn giao, việc gì việc ấy phải hết lòng sửa toan, trong ngoài đều phải yên ổn. Nay đã quá hẹn mà việc lại càng rối. Vậy nên cứ phép mà nghiêm trị, tội ấy phải đầy ra hải-đảo, chứ không dung-thứ được. Còn như việc nước Nam đây thì đã có Nguyễn-hữu-Độ là người tài-cán dùng được, và Phan-đình-Bình là người trung-thần, giao hai người ấy phải đồng tâm hiệp lực để đảm-đang việc nước. Ở ngoài Bắc-kỳ thì giao cho Nguyễn-trọng-Hợp. quyền chức kinh-lược để giữ gìn một phương ». Muốn mưu toan cải cách cho nước được mau yên, khâm-sứ Pháp là Sâm-bô (De Champeaux) xin vào triều yết. Việc này mới thật là việc lạ làng xưa nay ! Chẳng cho thì sợ, biết làm sao bây giờ. Đành phải y cho, thử xem công-việc thế nào. Truyền dọn một nơi ở Khiêm-cung để cho khâm-sứ sang chầu. Khâm-sứ Sâm-bô cũng biết phép nước Nam (Thái-hậu cầm quyền thay vua, gọi là « thùy liêm » nghĩa là khi coi chầu thường buông dèm, tức mành-mành, tiếng Trung-kỳ gọi là sáo, không cho đình-thần thấy mặt). Nhưng Sâm-bô lại xin được trông thấy mặt mới cam tâm, bèn tâu rằng : « Xin hãy tạm cuốn bức sáo vỗ rồng, làm lễ triều yết xong thì lại bỏ xuống, rồi sẽ bàn bạc công việc ». Ngờ đâu khi thái-hậu trông thấy Sâm-bô, nào diện mạo, nào y-quan, thật là lạ-lùng, chẳng khác gì quỉ dạ-xoa, (loài quỉ hiện hình rất xấu-xí) làm gì mà chẳng kinh-hoàng ; đến tiếng nói thì líu-lo líu-lưỡng như tiếng chim chóc. Có Nguyễn-Hoằng thông-ngôn dịch ra tiếng ta mới rõ. Đại-ý khâm-sứ tâu rằng : « Nguyên hai nước thương- thuyết, lập ra điều ước, cốt vì ích lợi lâu dài. Tại Tôn-thất-Thuyết trái lời, cho nên mới xảy ra những việc tai họa, nhưng nhờ giám - quốc có lượng khoan hồng, giao trả lại cả thành - trì đất nước. Nguyễn-văn-Tường vọng tính, để cho đến nỗi

(xem tiếp trang 20)

KỊCH DÀI BẰNG THƠ

Yêu - Ly

(hay là « Yêu-Ly nương sức gió »)

LƯU-QUANG-THUẬN

Số 8

Yêu Ly
Tâu Ngô chúa, đã đành mưu sắp sẵn,
Nhưng nói trước e trời không khiến gặp;
Bại hay thành còn đợi rải hay may.
Mưu trong tâm xin chúa miễn tâu bày;
Chưa thấy việc dám đâu lường khó dễ
Nhưng đã đứt tay xin làm nhục-kế,
Nơi sức hèn vương có thể an-tâm.

Ngô-hạp-Lư.
Yêu Khanh ơi, Khanh nghe vội nên nhầm.
Lời nọ hỏi mưu kia là có ý,
Muốn nghe rõ khi trừ xong Khánh-kỵ
Khanh làm sao yên ổn được thân Khanh

Quân-Sư
Đáng lo hơn cơ-sự bại hay thành
Là sinh-mệnh Yếu Công nghìn lượng quý.

Yêu Ly
Lòng chu đáo nên quân-sư quá nghĩ
Lo làm chi... miễn Khánh kỵ trừ xong,
Thân Yêu Ly dù thác cũng cam lòng.
Thôi đã xế, chúa hồi triều kẻo muộn.

Ngô-h-Lư
Yêu Khanh đi, lòng Ngô đầy những muốn
Khóc to lên cho động thấu hoàng-thiên
Yêu Khanh ơi, với trời đất xin nguyền
Ơn nghĩa trương suốt đời Ngô tạo đạ

Yêu Ly
Thời kính chúa chào Quân sư
(thì lễ rồi ra cửa)

Ngô-h Lư
(Bước t eo cầm tay Yêu Ly)
Sầu ly b ệ nao nao k ông xiết tả
Yêu Khanh ơi!
Non nước xa khơ mòn dặm sá.
Trọn kiếp canh tr ờn mộng t ấy nhau.

Yêu Ly (gỡ tay)
Ra đi tay nguyện làm tan đá
Tay nếu không về h kiếp sau
(bước thêm ra cửa)

Ngô h-Lư
Còn đây chốc nữa xa bao dặm;
Mưa gió t ản ng rời lạnh x ết b o

Yêu Ly
Ra đi thân nguyện b n sư ng tuyế;
Thân nếu khô g về hẹn kiếp sau.
vái trào nhau lìa cuối)

Màn hạ

Cảnh hai

Hồi hai

(Mở màn. Phòng nghị sự trong tư dinh Khánh-kỵ. Đêm khuya, bên ngoài vẳng t ống trống cầm canh. Khánh kỵ ngồi trước án, bên trái có tham mưu, trước mặt để binh thư và kiếm. Ngọn nến to cháy sáng phía bên phải.)

Lớp I

Khánh kỵ — Tham mưu — rồi quân

Khánh kỵ
Như Kỵ mới cũng tham-mưu xét rõ

Mật thư quân do thám gởi về đây:
Binh Hạp Lư chênh mảng đã lâu ngày,
Phần đánh bại quân Ngô ta nắm chắc.
Tham mưu đã trong bao lâu dè dặt,
Dịp tốt nầy chớ để gió đưa xiêu,
Tuy bên Ngô đất rộng sẵn quân nhiều,
Nhưng ô-hợp, lại lương hồn thiếu thốn,
Đồn lũy lâu năm, thập phần suy khốn,
Muốn sự thành còn dịp tốt nào hơn?

Tham mưu

Sức Ngô gia công-tử thừa tổ tường.
Còn binh lực của nhà tôi trộm nghĩ,
Tuy dũng-mãnh nhưng chưa toàn như ý.
Vừa hôm qua tôi mới duyệt binh xong.
Kể tinh binh mới được hai muôn ròng
Gồm kỵ-mã, đao quân và xạ tiễn.
Về mặt thủy có năm trăm thuyền chiến,
Quân thao nghề nhưng thiếu tướng chỉ huy.
Tuy binh Ngô chênh mảng có phần suy
Nhưng Khánh-lực chưa đủ làm xiêu núi

Khánh Kỵ

Suốt đêm qua, Kỵ chong đèn trướng nội.
Xem nến tàn, buồn xối chảy tâm tư
Hạp Lư kia một ngày chửa xong trừ
Bồn Khánh Kỵ mãi còn dư khối đau:
Giết thân-phụ thù đây gan lửa nóng,
Nghiệp bá chư-hầu, vơ hết trong tay!
Ta, con vua, một tối tuyết sương đầy.
Cho miệng thế họ truyền nhau rỏ rúng.
Vàng nhật nguyệt như trách thầm vũ-dũng
Bừng trên đời vai càng hổ cho vai.
Ôi bao lâu gươm báu đã siêng mài;
Thù chưa trả, ngôi vua chưa lấy lại.
Danh Khánh-Kỵ chưa vang lừng tứ hải.
Tham mưu tì eo ta, tân-khổ mấy năm trường,
Người biết người mà thời thế chưa nương
Lòng nghĩ lại như dầm trong mật đắng:

Tham-mưu

Ôi! công-tử ban chi lời quá nặng!
Chuyện cơ đồ một lúc dễ mà xong?
Miễn chuyên-lo tá đồn sức nung lòng,
Ắt tôi chúa sẽ thấy ngày hoan-lạc.

(Tiếng trống canh đêm nhịp)

Bàn quân-sự xin cho đời bữa khác.
Trống rung thành, giờ đã gác canh ba.

(Đứng dậy nhưng ngồi ngay xuống vì có quân vào quỳ)

Khánh-Kỵ

Có việc chi quan trọng giữa đêm tà?

Quân

Trình Khánh chủ có người xa lạ tới,
Hình dáng khả nghi thẳng vào dinh trại,
Ý xem thường nên ngoài ấy quân canh.
Bắt giam ngay, người kể lể sự tình.
Có một sự muốn dâng trình chủ tướng.
Xin ngay giữa đêm khuya vào dưới trướng,
Quyết khăng khăng không đợi đến ngày mai.

Khánh Kỵ

Họ tên chi?

Quân

Người không nói, chỉ van nài.
Rất tha thiết xin vào ngay trướng-phủ,
Kêu mạn phép bẩm trình ngay Khánh chủ,

Khánh Kỵ

Cho người vào, nhưng giáp sĩ mươi tên.
Tay cầm đao phải tức trực dưới thềm,
Phòng ngộ biến sẽ ào lên tại trướng,

Quân

Quân thức sẵn xin tuân lời chủ tướng,

(Quân lại ra)

Khánh-Kỵ

Ai mà vào lạc bước giữa đêm khuya?

Tham-mưu

Chưa đoán ai, tôi chỉ để tâm ngờ,
Rằng kẻ lạ sẽ bày mưu lập kế.
Con quốc bửa chuyện muôn phần có thể.

LỚP II

Khánh-Kỵ — Tham-mưu — Yêu-Ly

Khánh-Kỵ (thấy Yêu Ly vào)

Này gã, họ tên chi ?
Trước quân ta khuya khoắt đến làm gì ?
Ngươi khá nói kẻo đầu kia sẽ đứt,

Yêu-Ly (quỳ)

Trình Khánh-chủ trải muôn vàn khổ cực,
Tôi phận hèn từ viễn quốc sang đây
Tai nghe danh Khánh chủ đã lâu ngày,
Nên tìm đến để mong ngài dung nạp,
Ơn tri ngộ sẽ bền gan báo đáp,

Khánh Kỵ

Nói hay chưa ? Người gốc tích nơi đâu ?
(nói nhỏ với Tham mưu)
Đáng tiên-sư chặc mưa nắng dãi dầu

Tham-mưu (thấp giọng)

Mà xem kỹ hai tay còn có một

Khánh Kỵ (to)

Này kẻ lạ ! Sự tình ngươi hãy thốt
Nếu không rành, đầu chớ oán gươm ta

Yêu Ly

Trình Khánh công, đất Ngô vốn quê nhà,
Tôi hàn sĩ, Yêu Ly là danh tánh ;
Thời binh lửa cô-thân hèn tạm lánh,
Nhưng, dưới mái lều từng trộm đọc thiên kinh
Suy lẽ trời rồi ngẫm việc đao binh,
Dượng xâu xé cả muôn nghìn lê-thứ.
Tâm-trí mọn đã nhiều phen tính thử
Ngày nào xa đem một mối giang-san
Đáng trong tay một mình chúa thân gươm
Ai công nài đỡ sầu xương máu đỏ
Nhưng đơn độc chưa tìm ra được chúa,
Chim phân vân tìm mãi chưa ra cành,
Lòng tôi cam lều lửa mái lều tranh,
Càng ngày tháng tiêu-dao đàn với sách,
Ngô hạp-Lư sẩy oai quyền hống hách
Sai đến đòi. tôi chẳng bằng quy thảo,
Tuy biết dư tình thế rất hiểm nghèo
Khi từ-chối Hạp Lư tàn bạo kỵ.
Lòng ngại vậy, sự dịnh đưa đến vậy
Quân tới nhà vây giết vợ con tôi.
Hai thê-nhi chưa đã thỏa tâm người,
Còn chặt cánh tay tôi. Quân cường đạo !
Kia xử ra đi, thà to quyết báo.
Sang đây đầu Khánh chủ, nếu ơn dung,
Xin kết-cam sẽ trải mật phơi lòng,
Thề ăn thịt kẻ thù chung rửa hận

Khánh-Kỵ

Ba tấc lưỡi chỉ làm sôi máu giận.
Này Yêu Ly ngươi chớ khá khua môi
Sang tới đây kẽ quỷ tưởng cao rồi
Tai Khánh-Kỵ phải nào tai trẻ nhỏ
Quang trí thấp tưởng mưu thần khó lọ.
Muốn rá hàng ngươi lọt đến dinh ta,
Có lối vào nhưng không có lối ra

(Cầm gươm)

Gươm sẵn có, không cần đạo phủ thủ

Tham mưu (ngăn Khánh Kỵ)

Khoan Yêu Ly người có đã
Đáng cớ rành để tôi chúa ta tin
Vả chăng hèn Ngô oán hận vang rền
Xa mấy quận, cẩm hờn lên vút trượng.
Yêu Ly quả thành tâm, ngu ý tưởng
Chuyện ay người do thám báo không sai.

Khánh Kỵ

Ta biết rồi, và lời đã lọt tai,
Nhưng cẩn thận phải mặt vài câu dỗn,
(to) Này Yêu Ly, tưởng lừa ta chuyện gọn,
Nhưng trá hàng là kế gạt ai kia !
Thương cho người nhứt khứ chẳng trông về,
Và Quang nọ tưởng cười chê được Khánh,
Ngươi bắt chước chim cầu tung trời vỗ cánh
Sang thăm dò, đâu bắt chỗ vong thân !
Này Yêu Ly, đầu ngươi đem tới đây
Gươm chẳng tốc mặt lần ra khỏi vỏ

(tuốt gươm đứng dậy)

(Còn nữa)

LƯU-QUANG-THUẬN

HẠNH THỤC CA

(Tiếp theo trang 16)

nay côn-đồ (1) quấy - rối. Bây giờ muốn cho nước được yên-ổn vững-vàng, thì phải lập ngay người khác lên làm vua mới được: Mà nghe như hoàng-trừ đã có nắn, cha truyền con nối là danh-phận chính-đáng lắm rồi. Hễ có người cầm quyền sửa trị xứ nước, thì sẽ giao trả thành-trì đất nước ấy lại giữ gìn hộ-vệ cho nữa. Còn như ông Hàm-Nghi đã đi xa, tin tức rồi không rõ, dẫu có về thì cũng phong cho một chức công tầu gì đó là xong », thái-hậu ngay rõ đầu đuôi, hỏi quan ta rằng: « Người Pháp tâu như vậy, thì định thế nào ? » Hai quan tả là Nguyễn-hữu-Độ và Phan-đình Bình đều tâu rằng: « Chúng tôi cũng vẫn nghe ao như thế quý quan phân trần như vậy rất hay. Sau hiền mà nối được nghiệp lớn của cha thì dân nước mới yên. Trước nhờ tri-ánh-đức chủ » chương, sau nhờ thái-hậu sửa sang mối giềng, bên ngoài lại có quý-quan bảo-hộ, thì cái cơ thái-bình thịnh - trị chắc là lại được như xưa » (1) Thái-hậu thoáng nghe những lời của các quan tâu bày, phán rằng: « Đặng như vậy, cũng nhờ có các người. Nay ta y lời tất cả, nên hãy giao trả đô-thành ngay, chớ để chậm-trễ, rồi rước Kiên-giang-công về đây, ở tạm nơi Xung-khiêm để chờ ngày vào kinh. Cốt làm sao cướp đặng lại cho, vì dân mến chúa thì phải lo phục người. Nền nhân cây đức vun trồng càng ngày càng bền chặt, dẫu mà muốn lấn hiếp cũng không trời nào cho. Muốn thử lòng nước Pháp có phò bộ thật hay không, nên cho người về trước, thử thăm dò xem sao. » Quan ta hội-họp cả ở triều-đình, yêu cầu người Pháp trả ngay kinh-thành. Xem chừng cũng có lòng tôn-trọng kính-nể, không có chút gì là đối trá. Các quan đi thăm, về tâu rõ mọi việc, rồi xin Ngự-giá về mau kinh - thành

(Còn nữa) *Ứng-hoè* NGUYỄN-VĂN-TỐ

14) Câu « Bảo phò lại có quý quan, đi là bình trị phục hoàn như xưa » bản nôm phê lại chữ « mộng thuyết » nghĩa là « nói chiêm bao », mà thật thế, đời nào người Tây giữ quyền bảo-hộ, mà lại được thái-bình thịnh-trị như khi độc-lập.

15) Câu « Làm sao cướp đặng lại cho » bản nôm phê hai chữ « trác thức » nghĩa là « kiến thức cao vọi » tức là khen thái hậu có ý cao-siêu. Tuy câu nói tơ-tưởng mà mãi đến ngày nay mới thực hành được sau mươi năm mà việc làm mới đúng lời nói: quyền tự-chủ thật là thiêng-liêng...

TRI-TÂN TẠP-CHÍ
RA HÀNG TUẦN

MỤC LỤC SỐ 212

Từ toàn dân kháng chiến, đến toàn dân vận động — *Kiều-Xương*
Sự kháng-cự cuối cùng của dân Châm năm Ất-Dậu 1945 — *Ng.-thiệu-Lâu*
Kháng chiến ca — *Thi-Nham*
Hạnh thục ca (XII) — *Nguyễn-văn-Tố*
Bàn góp phép công — *Đỗ-Thúc*
Tài liệu đính chính văn cổ (XC) — *Ứng-hòe*
Kịch Yêu ly (VIII) — *Lưu-quang-Thuận*

GIÁ BÁO

Một năm	55$00
Sáu tháng	30,00
Ba tháng	15,00
Một số	1,20

LỜI HIỆU TRIỆU
đồng bào Việt-nam

Ngày 21 tháng 11, chúng tôi tất cả 60 người trong các giới đã hội họp và bầu một Ủy Ban Hiệu Triệu các đoàn thể và các giới cử đại biểu đến họp tại Hội Quán hội Hợp Thiện, 125 Phố Bố Cái Đại Vương (Henri d'Orléans) ngày thứ bảy 24-11-45 đúng 3 giờ chiều, để *đề nghị với các đảng phái thực hiện sự đoàn kết chặt chẽ và thành thực theo ý muốn của dân chúng*

UỶ BAN HIỆU TRIỆU

T.T.T.C.V.H. : Do nghị định số 18 ngày 8 tháng 10 năm 1945 của ông Bộ trưởng bộ Nội Vụ
Chủ-nhiệm kiêm quản lý : Nguyễn-Tường-Phượng — Nhà in Tri-Tân số 95—97 phố Đồng Tân Hanoi